

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025- 2026

LỚP MẪU GIÁO 3 - 4 TUỔI

MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân. <i>- Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.</i>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
2	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp(3m x 0,2m). + Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi và chạy: + Đi kiễng gót. + Đi trong đường hẹp. - Bật - nhảy: + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20-25cm.	1, 2, 3, 5, 8
3	Trẻ biết kiểm soát được vận động: + Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không	- Đi và chạy: + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.	4, 6, 7, 9

	chệch ra ngoài.		
4	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). + Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Tung bóng lên cao bằng 2 tay.	4, 5, 6, 7, 8, 9
5	Trẻ thể hiện được nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. + Ném trúng đích ngang (xa 1,5m). + Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	- Tung, ném, bắt: + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. - Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm).	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9
6	Trẻ thực hiện được các vận động: + Xoay tròn cổ tay. + Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.	4, 9
7	Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: + Vẽ được hình tròn theo mẫu. + Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. + Xếp chồng 8-10 khối không đổ. + Tự cài, cởi cúc.	- Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc.	1, 6
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Thịt, cá, trứng, sữa, rau....).	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. <i>- Trẻ nhận ra thói quen tốt trong dinh dưỡng và vận động.</i>	2, 5, 6
9	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán,	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống	3

	cá kho, canh rau...	đủ lượng và đủ chất.	
10	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - <i>Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.</i> - <i>Chấp nhận đặc điểm bên ngoài của cơ thể bản thân và người khác.</i>	2
11	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, súc miệng. + Tháo tất, cởi quần, áo..	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng.	1, 2
12	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	1, 2, 3
13	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - <i>Thực hiện hành vi văn hóa, vệ sinh trong ăn uống. Trẻ học cách ăn uống lành mạnh và quy tắc, hành vi lịch sự khi ăn uống.</i>	
14	Trẻ có 1 số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - <i>Được chăm sóc an toàn cả về thể chất và tinh thần-> quyền của trẻ em đối với nhu cầu được chăm sóc, chẳng hạn như ăn, ngủ và nuôi dưỡng.</i>	8
15	Trẻ nhận ra và tránh 1 số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn,	3

	nước nóng...) khi được nhắc nhở.	những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	
16	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc.	- Nhận biết 1 số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. <i>- Trẻ thực hành thói quen tốt liên quan đến an toàn cho bản thân và người khác...</i>	8
17	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	<i>- Trẻ học cách chơi an toàn, các trò chơi lành mạnh. - Các hành vi, quy tắc bảo đảm an toàn cho bản thân và người khác. - Trẻ thực hành tốt thói quen an toàn cá nhân.</i>	4
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a. Khám phá khoa học			
18	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	5, 6
19	Trẻ biết nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	<i>- Mối quan hệ của thực vật, động vật với biến đổi khí hậu và thiên tai. + Ảnh hưởng của thiên tai đối thực vật; làm hoa dập nát, hoa chết, bị chôn vùi, không phát triển được, nhiều loại sâu bệnh. + Ích lợi của thực vật đối với phòng, chống thiên tai; giữ nước, chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường.</i>	

		<i>+ Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với đời sống động vật; ô nhiễm môi trường, xáo trộn môi trường sống, thiếu nước, giảm nguồn thức ăn, không còn nơi cư trú, chết một số loài động vật, dịch bệnh.</i>	
20	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ. Để nhận ra đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	2
21	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để biết vật chìm hay nổi.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	8
22	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	<i>- Tên gọi, phân bố. - Đặc điểm. - Tính chất của nước. - Sự ô nhiễm nguồn nước. - Quá trình hình thành/ xuất hiện. - Ảnh hưởng tới con người và tự nhiên. - Ứng xử. - Sự thay đổi bất thường về thời tiết về thời tiết mùa xuân; Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột. - Ảnh hưởng biến đổi khí hậu đến ngày tết; cuối mùa đông đầu mùa xuân không còn lạnh, nhiều ngày nắng dần</i>	

		<i>đến hoa nở sớm, thời tiết những ngày nắng cũng dễ làm ôi thiu bánh chưng, giò và các đồ ăn khác.</i> - Thực hiện dự án Steam.	
23	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. <i>- Sử dụng đồ chơi, đồ dùng, điện, nước của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.</i>	1, 3
24	Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. <i>- Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động của các phương tiện giao thông; gây ách tắc giao thông, hỏng công trình đường bộ cầu cống, hỏng các phương tiện giao thông.</i> <i>- Ảnh hưởng của các phương tiện giao thông đối với môi trường; gây ô nhiễm môi trường không khí, gây nên hiệu ứng nhà kính, ảnh hưởng tới sức khỏe con người.</i>	7
25	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình....	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1,3
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
26	Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	3, 4, 5,7
27	Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để		7, 8, 9

	biểu thị số lượng.		
28	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	- Xếp tương ứng 1- 1, ghép đôi. - 1 và nhiều.	1
29	- Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. - Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	3, 4, 5, 6, 8
30	Trẻ nhận ra được quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.	9
31	Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.	2, 6
32	Trẻ nhận dạng và gọi tên được các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình học để ghép.	5
33	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải- tay trái của bản thân.	2, 7
c. Khám phá xã hội			
34		- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - <i>Sự giống và khác nhau giữa mọi người về đặc điểm về hình dáng bên ngoài, sở thích, tính cách.</i> - <i>Tất cả mọi người (dù họ là</i>	2

	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	<i>ai, giới tính là gì, có sở thích, khả năng như thế nào) đều cần được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ.</i> <i>- Tìm hiểu để nhận ra một số cách ứng xử không công bằng với bạn trai và bạn gái</i> <i>Khám phá các đặc điểm giống và khác nhau của bạn trai và bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai – bạn gái.</i> <i>-Tìm hiểu về các bộ phận trên cơ thể; biết được đâu là chỗ/khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm.</i>	
35	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. <i>- Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế biến đổi khí hậu.</i> <i>- Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình.</i>	3
36	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. <i>- Tên gọi, địa điểm trường mầm non.</i> <i>- Những thiên tai thường xảy ra ở khu vực trường.</i>	1
37		- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của 1 số nghề phổ biến. <i>- Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào các công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh</i>	4

	Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh.	<i>viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ, cứu nạn.</i> <i>- Một số nghề khác có mối quan hệ giữa hoạt động nghề nghiệp đối với môi trường (khai thác tài nguyên, sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, nước thải, khí thải của hoạt động sản xuất, sử dụng hóa chất, thuốc kích thích tăng trưởng....là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, dẫn đến sự biến đổi khí hậu và thiên tai gia tăng).</i> <i>- Giáo viên tạo ra sự đa dạng trong hình mẫu, ví dụ... về các mối quan hệ xã hội, ngành nghề...của các cộng đồng của trẻ ở các vùng văn hóa, dân tộc khác nhau.</i>	
38	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh, lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	1, 2, 3, 4, 6
39	Trẻ kể tên được 1 vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- <i>Khám phá bản đồ Việt Nam, khí hậu vùng miền (Đồng bằng; ngập úng, lũ lụt.Miền núi; sạt lở đất, xói mòn).</i>	9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
40	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: "Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ".	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	1,2,3,5,7,8,9
41	Trẻ hiểu nghĩa được từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả.....	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	1, 2, 5, 6, 8
42	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với	2, 8

		độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. <i>- Đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi phù hợp với tình huống trong giao tiếp.</i>	
43	Trẻ nói rõ được các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. <i>- Trẻ sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng lời nói để xây dựng mối quan hệ với giáo viên và người lớn.</i> <i>- Bất cứ khi nào có thể, trẻ em cũng được tạo cơ hội để sử dụng và học (các) tiếng mẹ đẻ của chính mình. Nhà trường, GV có trách nhiệm chính trong việc phối hợp với gia đình để bảo tồn và phát triển (các) ngôn ngữ mẹ đẻ và văn hóa của trẻ.</i>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
44	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	5
45	Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	<i>- Trẻ được tôn trọng, lắng nghe ngữ điệu riêng, phát âm đặc trưng của trẻ...</i>	7, 9
46	Trẻ biết kể lại những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, đi xem phim...	- Kể lại sự việc.	4
47	Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.....	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
48	Trẻ kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
49	Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	6, 7, 8

	truyện.		
50	Trẻ biết sử dụng các từ : “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - <i>Học cách tuân thủ các quy tắc thể hiện văn hóa trong giao tiếp: Sử dụng đại từ nhân xưng; sử dụng từ, câu biểu thị lịch sự, lễ phép; lắng nghe; khởi xướng; luân phiên; điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống giao tiếp.</i>	9
51	Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?” .	4
52	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - <i>Xem sách, trò chuyện; lắng nghe và trao đổi phù hợp với người đối thoại.</i> - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - <i>Bày tỏ nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ một cách phù hợp trong các mối quan hệ (VD thể hiện bằng ngôn ngữ lời nói: con muốn, con mong được...).</i>	6, 7
53	Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - <i>Làm sách tranh, kể chuyện sáng tạo thể hiện mong muốn về một thế giới hòa bình, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau.</i>	9
54		- Làm quen với cách đọc và	4, 5, 6, 7

	Trẻ thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc.	viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; Đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Giữ gìn sách. - Làm quen một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...). - <i>Tôn trọng cách truyền đạt ý tưởng và thông tin bằng nhiều cách khác nhau như: vẽ, đánh dấu, ký hiệu, ảnh, video, công cụ kỹ thuật số và viết với cách viết thông thường hoặc theo cách của mình.</i>	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội			
55	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính. - <i>Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.</i>	2
56	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- <i>Bày tỏ được ý kiến về nhu cầu, mong muốn, điểm mạnh, sở thích của bản thân hoặc của người khác gần gũi với trẻ - liên quan tới quyền tham gia của trẻ.</i>	2, 3
57	Trẻ nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	2, 4, 7
58	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	5, 6

59	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9
60	Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- <i>Khi đi du lịch, bé cần có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra.</i>	
61	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Những điều bé thích, không thích. - <i>Mọi trẻ trai, trẻ gái đều có thể mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến; bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.</i>	5, 8
62	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi....).		3, 5, 7
63	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - <i>Cách mà mỗi thành viên trong gia đình, cộng đồng (trường/lớp/địa phương) có thể giúp đỡ nhau, mang lại niềm vui cho nhau.</i> - <i>Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai.</i> - <i>Khu vực an toàn/ nơi sơ tán gần trường học nhất.</i> - Yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột. - <i>Yêu thương bản thân; tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và của người khác.</i>	1, 3
64	- Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn). - Nhận biết hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".	1, 4, 7
65	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.		
66		- Chơi hòa thuận với bạn. - Chờ đến lượt. - <i>Học cách thảo thuận, thương lượng và giải quyết</i>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

	Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	<i>xung đột/mâu thuẫn với người khác một cách lịch sự dựa trên sự tôn trọng.</i> <i>- Cởi mở, tôn trọng, đoàn kết và trách nhiệm.</i> <i>- Cách thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc trong nhóm.</i>	
67	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. - Tiết kiệm điện, nước. <i>- Tôn trọng con người, sự vật và học cách sinh sống một cách hài hòa, bảo vệ thiên nhiên xung quanh.</i>	5, 6, 8
68	Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. <i>- Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường.</i> <i>- Hành vi văn minh trong trường, lớp, gia đình và nơi công cộng; hành vi sống xanh và bảo vệ môi trường sống gần gũi.</i>	1, 2, 7
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
69	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói nên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc, gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	1, 4
70	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng.....) của các tác phẩm tạo hình.	<i>- Mọi trẻ (không kể về giới tính, nguồn gốc, thành phần dân tộc...) đều có thể tham gia vào hoạt động nghệ thuật theo sở thích của bản thân và tạo ra sản phẩm nghệ thuật (tạo hình, âm nhạc, kịch...) theo cảm nhận của riêng mình, như là một cách để trẻ thể hiện cảm xúc và ý tưởng của bản thân. Tất cả những người khác đều phải học</i>	6, 8

		<i>cách tôn trọng sở thích của nhau.</i>	
71	Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	3,4
72	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
73	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. <i>- Biết cách sử dụng các phương tiện nghệ thuật và công cụ khác nhau để thể hiện ý tưởng, cảm xúc của bản thân và giao tiếp với người khác và môi trường xung quanh.</i>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
74	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. - Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. - Trẻ xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Trẻ lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc hai khối. - Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn.	- Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng 1 số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. <i>- Trẻ em có cơ hội “thử nghiệm” nhiều hoạt động thẩm mỹ nhất có thể đối với lứa tuổi của mình và các em phải được thường xuyên chọn hoạt động thẩm mỹ mà các em yêu thích nhất.</i> - Nhận xét sản phẩm tạo hình. - Thực hiện dự án Steam.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.		
75	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	1,2, 9
76	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích. <i>- Mỗi trẻ đều được khuyến khích để tạo ra các sản phẩm tạo hình, âm nhạc, nghệ thuật theo khả năng và sự sáng tạo của bản thân, như là một cách để thể hiện bản thân mỗi đứa trẻ.</i>	5, 6
77	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	8, 9

**DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ
(MẪU GIÁO 3 - 4 TUỔI)**

Thời gian (Tháng, từ ngày 08/9/2025 đến ngày 22/5/2026)	S T T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội	Điều chỉnh bổ sung
(4 tuần) 08/9/2025 - 03/10/2025 08/9/2025 - 12/9/2025	1	Trường mầm non thân yêu của bé	Trường mầm non của bé	1		
15/9/2025 - 19/9/2025			Các hoạt động trong trường mầm non.	1		
22/9/2025 - 26/9/2025			Lớp học của bé.	1		
29/9/2025 - 03/10/2025			Đồ dùng, đồ chơi của lớp.	1		
(4 tuần) 06/10/2025 - 31/10/2025 06/10/2025 - 10/10/2025	2	Bản thân	Bé vui tết trung thu .	1	Tết trung thu, Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	
13/10/2025 - 17/10/2025			Tôi là ai.	1		
20/10/2025 - 24/10/2025			Cơ thể của tôi.	1		
27/10/2025 - 31/10/2025			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	1		
(4 tuần) 03/11/2025 - 28/11/2025 03/11/2025 - 07/11/2025	3	Gia đình	Gia đình của bé.	1	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	
10/11/2025 - 14/11/2025			Ngôi nhà của bé.	1		
17/11/2025 - 21/11/2025			Ngày hội của cô giáo .	1		
24/11/2025 - 28/11/2025			Đồ dùng ăn uống trong gia đình.	1		
(4 tuần) 01/12/2025 - 26/12/2025 01/12/2025 - 05/12/2025	4	Nghề nghiep	Nghề xây dựng.	1	Ngày quân đội nhân dân Việt Nam	
08/12/2025 - 12/12/2025			Nghề y tế.	1		
15/12/2025 - 19/12/2025			Nghề sản xuất .	1		
22/12/2025 - 26/12/2025			Nghề bộ đội, công an.	1		
29/12/2025 – 02/01/2026			Nghỉ tết dương lịch			

			(không soạn giảng), tổ chức các hoạt động khác.			
(4 tuần) 05/01/2026 - 30/01/2026 05/01/2026 - 09/01/2026	5	Thế giới động vật	Động vật nuôi trong gia đình	1	Kết thúc học kỳ I, bắt đầu học học kỳ II	
12/01/2026 – 16/01/2026			Động vật sống trong rừng	1		
19/01/2026 – 23/01/2026			Động vật sống dưới nước	1		
26/01/2026 – 30/01/2026			Một số loại chim và côn trùng	1		
(5 tuần) 02/02/2026 – 13/3/2026 02/02/2026 - 06/02/2026	6	Thế giới thực vật, tết và mùa xuân	Cây xanh quanh bé	1	Ngày tết nguyên đán	
09/02/2026 - 13/02/2026			Mùa xuân, tết nguyên đán	1		
16/02/2026 - 20/02/2026			Nghỉ tết nguyên đán (không soạn giảng)			
23/02/2026 - 27/02/2026			Những loại hoa đẹp	1		
02/3/2026 - 06/3/2026			Ngày hội 8/3	1		
09/3/2026 - 13/3/2026			Một số loại rau, củ, quả	1		
(4 tuần) 16/3/2026 – 10/4/2026 16/3/2026 - 20/3/2026	7	Phương tiện và luật giao thông	Phương tiện giao thông đường bộ	1		
23/3/2026 - 27/3/2026			Phương tiện giao thông đường thủy	1		
30/3/2026 - 03/4/2026			Phương tiện giao thông đường không	1		
06/4/2026 - 10/4/2026			Luật giao thông	1		
(3 tuần) 13/4/2026 – 01/5/2026 13/4/2026 - 17/4/2026		Nước và các	Nước.	1	Giải phóng	

20/4/2026 – 24/4/2026	8	hiện tượng tự nhiên	Các hiện tượng tự nhiên.	1	miền nam, quốc tế lao động	
27/4/2026 - 01/5/2026			Các mùa trong năm.	1		
(3 tuần) 04/5/2026 – 22/5/2026 04/5/2026 - 08/5/2026	9	Quê hương, đất nước, Bác Hồ	Quê hương, đất nước.	1		
11/5/2026 - 22/5/2026			Bác Hồ với các cháu thiếu nhi.	2		
				35 tuần		

GIÁO VIÊN

P'.TÔ TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG